

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2020/HSST
Ngày: 28/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Long
2. Ông Bùi Trọng Vũ

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Ông Phan Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Lúc 08 giờ 00 phút ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn A, sinh năm 1992; (tên gọi khác: không); nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Hoà T, xã Xuân B, thị xã C, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm biển thuê; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Phạm Văn D, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; vợ: Trần Thị T, sinh năm 1995; con ruột: 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Bà **Lê Thị Thanh N** – sinh năm 1980; Trú tại: thôn Hòa M, xã Xuân B, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

*** Người làm chứng:**

1. Chị **Võ Lê An M** – sinh ngày 14/7/2002;

*Đại diện theo pháp luật của Võ Lê An M: Bà **Lê Thị Thanh N** – sinh năm 1980; Cùng trú tại: thôn Hòa M, xã Xuân B, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt*

2. Ông **Đặng Văn G** – sinh năm 1984; Trú tại: Thôn Hòa Si, xã Xuân B, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

3. Bà **Nguyễn Thị I** – sinh năm 1973; Trú tại: Thôn Hòa M, xã Xuân B, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/7/2019, Phạm Văn A đến Bưu điện xã Xuân Cảnh thuộc thôn Hoà M, xã Xuân B để thực hiện giao dịch chuyển khoản cho tài khoản thụ hưởng đứng tên “Nguyễn Văn Loc và Hồ Ngọc Nhiên” cả hai đều không rõ nhân thân, lai lịch. A chuyển tiền ba lần với tổng số tiền là 18.000.000 đồng gồm: Lần thứ nhất chuyển 5.000.000 đồng cho chủ tài khoản đứng tên “Nguyen Van Loc”, lần thứ hai chuyển 10.000.000 đồng cho chủ tài khoản “Nguyen Van Loc”, lần thứ ba chuyển 3.000.000 đồng cho chủ tài khoản đứng tên “Ho Ngoc Nhen”. Đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, sau khi chuyển tiền xong, A gọi điện cho người tên Lộc thì phát hiện mình đã bị người này lừa nên A xin chị Lê Thị Thanh N (là nhân viên Bưu điện) rút lại số tiền đã chuyển khoản nhưng không được chấp nhận, lúc này A thấy chị N cất giữ tiền trong túi xách màu nâu, đồ để dưới quầy giao dịch nên nảy sinh ý định trộm cắp túi xách của chị N để lấy lại số tiền 18.000.000 đồng đã bị người khác lừa. Khi thấy chị N đi ra trước công nói chuyện với chị Nguyễn Thị I và Lê Võ An M (là con chị N) đang đứng tại cửa ra vào phòng giao dịch nên A lén lút đến quầy giao dịch lấy túi xách đựng tiền đi ra ngoài thì bị chị N phát hiện và hô la thì A ném túi xách đựng tiền vào thùng rác rồi bỏ chạy. Lúc này, Lê Võ An M nhặt túi xách đựng tiền, còn chị N chạy theo giữ A lại, chị N báo cáo sự việc đến Công an xã Xuân Cảnh đến làm việc kiểm tra trong túi xách có số tiền là 91.486.000 đồng, chị N khẳng định còn đầy đủ tiền.

Vật chứng vụ án: 01 túi xách màu nâu đỏ, bên trong có số tiền 91.486.000 đồng, đã trả lại cho chị Lê Thị Thanh N.

Về phần dân sự: Bị hại Lê Thị Thanh N đã nhận lại tài sản không yêu cầu Phạm Văn A bồi thường thêm khoản gì khác.

Tại bản cáo trạng số 11/CT - VKSSC ngày 26/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố bị cáo Phạm Văn A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn A khai: Khi phát hiện mình đã bị người khác lừa nên bị cáo xin chị Lê Thị Thanh N rút lại số tiền đã chuyển khoản nhưng không được chấp nhận, lúc này bị cáo thấy chị N cất giữ tiền trong túi xách màu nâu, đồ để dưới quầy giao dịch nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp túi xách của chị N để lấy lại số tiền 18.000.000 đồng đã bị người khác lừa, nhưng bị chị N phát hiện truy hô nên bị cáo ném trả lại túi xách và bỏ chạy thì bị chị N bắt giữ. Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan gì cho bị cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, nên giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng số 11/CT - VKSSC ngày 26/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Văn A từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Vật chứng vụ án: 01 túi xách màu nâu đỏ, bên trong có số tiền 91.486.000 đồng, đã trả lại cho chị Lê Thị Thanh N nên đề nghị không xét.

Về phần dân sự: Bị hại Lê Thị Thanh N đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị không xét.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thị xã Sông Cầu đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người bị hại, người làm chứng: Quá trình điều tra đã có lời khai, người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt; việc vắng mặt của người làm chứng,

người bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử theo quy định tại Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn A tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng phù hợp với vật chứng vụ án, phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Chính bị cáo Phạm Văn A sau khi chuyển tiền cho tài khoản tên “Nguyễn Văn Loc” và “Ho Ngọc Nhiên” thì phát hiện bị lừa, nên đã lén lút lấy túi sách của bị hại để lấy lại tiền bị lừa, trong túi sách có 91.486.000 đồng của bị hại vào lúc khoảng 13 giờ 30 ngày 17/7/2019, tại bưu điện thôn Hoà Mỹ, xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó, quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 11/CT - VKSSC ngày 26/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan gì cho bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, Tuy nhiên xuất phát từ việc bị cáo bị người khác lừa số tiền 18.000.000đ, nên nhất thời phạm tội, không có mục đích chiếm đoạt trước, mục đích bị cáo chiếm đoạt tài sản là để lấy lại số tiền bị lừa, khi bị phát hiện đã ném trả lại tài sản cho bị hại nên chưa xảy ra thiệt hại, bị cáo không cố ý thực hiện tội phạm đến cùng, bản thân có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, ngoài lần phạm tội này chưa có lần phạm tội nào khác, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị hại còn quá lơ là trong việc quản lý tài sản, nên không nhất thiết cách ly ra khỏi xã hội vẫn có tác dụng giáo dục riêng đối bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là nhất thời; không có mục đích trước, khi bị phát hiện ném trả lại tài sản cho bị hại, bị cáo không cố ý thực hiện tội phạm đến cùng; bên cạnh đó, chủ sở hữu tài sản quản lý tài sản quá sơ hở. Bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, ngoài lần phạm tội này chưa có lần phạm tội nào khác, có nơi cư trú rõ ràng, nên không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Vật chứng vụ án: 01 túi xách màu nâu đỏ, bên trong có số tiền 91.486.000đồng, đã trả lại cho chị Lê Thị Thanh N nên HĐXX không xem xét.

[8] Về phần dân sự: Bị hại Lê Thị Thanh N đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Văn A phạm tội “*“Trộm cắp tài sản”*”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sau) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/5/2020.

Giao bị cáo Phạm Văn A cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xét.

3. Vật chứng vụ án: Không xét.

4. Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn A phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. **Quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND thị xã Sông Cầu (1);
- Cơ quan CSĐT Công an Tx. Sông Cầu (1);
- Sở tư pháp (1);
- THA HS thị xã thị xã Sông Cầu (1);
- THA DS thị xã thị xã Sông Cầu (1);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (1);
- Lưu HS, án văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trần Văn Tôn**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn

